

Số: /BC-UBND

Quảng Trị, ngày tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM
QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2021

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2020

Năm 2020 là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, tỉnh đã xác định chủ đề năm là: “*Hành động quyết liệt - Về đích toàn diện - Tạo đà bứt phá*” với quyết tâm thực hiện hoàn thành ở mức cao nhất tất cả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, tạo đà phát triển trong nhiệm kỳ tới. Tuy nhiên, năm 2020 dịch bệnh COVID-19 bùng phát, xuất hiện đỉnh lũ vượt lũ lịch sử trên tất cả các lưu vực sông với 04 đợt nối tiếp nhau đã ảnh hưởng nghiêm trọng, toàn diện đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội của tỉnh.

Dưới sự lãnh đạo sâu sát và toàn diện của Tỉnh ủy, sự giám sát chặt chẽ của HĐND tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân; trên cơ sở quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ¹, UBND tỉnh đã chủ động xây dựng các kịch bản, giải pháp² ứng phó một cách đồng bộ, hiệu quả, tập trung thực hiện “mục tiêu kép”³ - vừa quyết liệt phòng chống dịch bệnh, vừa duy trì, phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và đã đạt được những kết quả khá tích cực. Dự kiến hoàn thành 15/25 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đã đề ra, trong đó có 5 chỉ tiêu vượt kế hoạch.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

¹ Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2020 và Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;

² Kết luận số 230-KL/TU ngày 04/12/2019 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 31/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

³ Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 27/03/2020 các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch bệnh Covid-19; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 01/6/2020 về thực hiện một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và triển khai các dự án đầu tư, nhằm khôi phục phát triển kinh tế, ổn định xã hội; Kế hoạch số 3398/KH-UBND ngày 28/7/2020 thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

1. Về tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát

1.1. Về tăng trưởng kinh tế

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2020 (GSS2010) ước tính đạt 19.863,5 tỷ đồng, tăng 3,63% so với năm 2019 (năm 2019 tăng 7,91%), là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây⁴; trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4.276,22 tỷ đồng, tăng 2,95%; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 4.934,4 tỷ đồng, tăng 7,25%; khu vực dịch vụ đạt 9.752,04 tỷ đồng, tăng 2,31%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp đạt 900,84 tỷ đồng, tăng 2,33%.

GRDP bình quân đầu người đạt 53,9 triệu đồng/người, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2019.

- Cơ cấu kinh tế khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng từ 21,10% năm 2019 lên 23,44% trong năm 2020; khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ giảm từ 78,90% năm 2019 xuống còn 76,56% năm 2020. GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành ước đạt 53,9 triệu đồng, tăng 7,8% so với năm 2019, không đạt kế hoạch đề ra⁵.

1.2. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2020 tăng 3,56% so với bình quân cùng kỳ năm trước (10 tháng năm 2019 tăng 1,84%); Chỉ số giá vàng bình quân 10 tháng năm 2020 tăng 29,08% so với bình quân cùng kỳ năm trước (10 tháng năm 2019 tăng 6,33%). Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân 10 tháng 2020 giảm 0,47% so với bình quân cùng kỳ năm trước (10 tháng năm 2019 tăng 1,07%). Ước tính chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,15% so với năm 2019, chỉ số giá vàng tăng 30%, chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,50%.

1.3. Lĩnh vực ngân hàng

- Trong năm tỉnh đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ về chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt thị trường tài chính, tiền tệ và tỷ giá. Huy động vốn trên địa bàn đến 31/10/2020 đạt 24.885 tỷ đồng, tăng 8,97% (+2.048 tỷ đồng) so với cuối năm 2019; Tổng dư nợ cho vay đối với nền kinh tế đạt 35.313 tỷ đồng, giảm 1,68% (-603 tỷ đồng) so với cuối năm 2019; Nợ xấu là 372 tỷ đồng, chiếm 1,05% tổng dư nợ. Dự ước cuối năm huy động vốn đạt 25.000 tỷ đồng, tăng 9,47% so với cuối năm 2019; dư nợ đạt 37.720 tỷ đồng, tăng 5,02% so với cuối năm 2019, nợ xấu chiếm tỷ trọng khoảng dưới 2%/ tổng dư nợ.

- Các chương trình tín dụng ưu đãi do Ngân hàng chính sách xã hội triển khai đã đóng góp tích cực, hiệu quả cho công tác xóa đói giảm nghèo của tỉnh với tổng dư nợ cho vay đến 31/10/2020 là 3.014 tỷ đồng, tăng 14,82% (+387 tỷ đồng) so với năm 2019.

⁴ Tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước chỉ đạt trên 2%.

⁵ Kế hoạch năm 2020: Tốc độ tăng trưởng kinh tế là >8,5% so với năm 2019, trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng >4,5%, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng >14%, khu vực dịch vụ tăng >7%; GRDP bình quân đầu người là 55-58 triệu đồng.

1.4. Thu chi ngân sách

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từ đầu năm đến ngày 31/10/2020 đạt ... tỷ đồng, vượt ... so với dự toán và tăng ... so với cùng kỳ năm trước; trong đó: thu nội địa tỷ đồng, tăng ...% so với dự toán và tăng ...%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu .. tỷ đồng, tăng ..% so với dự toán và tăng ..%.

- Tổng chi ngân sách địa phương từ đầu năm đến 31/10/2020 đạt ... tỷ đồng, đạt ..% dự toán và tăng ...% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: chi đầu tư phát triển .. tỷ đồng, bằng 68% dự toán và tăng ...%; chi thường xuyên tỷ đồng, bằng ...% dự toán và tăng ...% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2020, tổng chi ngân sách địa phương đạt ... tỷ đồng, đạt ...% dự toán và tăng ...% so với cùng kỳ năm trước.

1.5. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển

- Vốn đầu tư phát triển thực hiện trên địa bàn năm 2020 (giá hiện hành) ước tính đạt 19.068,2 tỷ đồng, tăng 15,18% so với năm trước (năm 2019 tăng 24,8%); bao gồm: vốn khu vực nhà nước 5.175,4 tỷ đồng, tăng 18,42%; vốn khu vực ngoài nhà nước 13.785,8 tỷ đồng, tăng 14,30%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 107 tỷ đồng, giảm 14,06%.

- Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo tổ chức vận động 08 dự án ODA với tổng vốn đầu tư là 4.658 tỷ đồng, không có dự án ODA mới được phê duyệt/ ký kết Hiệp định. Từ đầu năm đến nay, tổng giải ngân các dự án ODA đạt 456,20 tỷ đồng, bằng 43% so với kế hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt giao vốn trong năm⁶.

- Trong năm 2020, toàn tỉnh không có dự án FDI đăng ký đầu tư mới; đã thực hiện các thủ tục thông báo đáp ứng điều kiện góp vốn mua cổ phần, mua lại phần vốn góp đối với 02 dự án của các nhà đầu tư⁷. Hiện nay, có 17 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 79,85 triệu USD (không có dự án FDI có quy mô vốn đăng ký đầu tư trên 50 triệu USD).

- Tính từ đầu năm, Tỉnh đã vận động được 43 dự án, phi dự án mới với tổng giá trị cam kết viện trợ đạt trên 51 triệu USD phục vụ nhu cầu khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo tại địa phương và 10,6 tỷ VNĐ để hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng lũ lụt. Dự kiến đến cuối năm vận động được tổng cộng 50 dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài, tổng giá trị vận động ước đạt 52 triệu USD.

- Tính từ đầu năm, UBND tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư cho 49 dự án với tổng vốn đăng ký là 6.811,14 tỷ đồng, bằng 77,8% về số dự án và 17,5% về số

⁶ Trong đó: Giải ngân vốn nước ngoài là 360,152 tỷ đồng, bằng 41% kế hoạch vốn nước ngoài được Trung ương giao đầu năm; Giải ngân vốn đối ứng là 96,048 tỷ đồng, bằng 56% kế hoạch vốn đối ứng trong năm được các cấp có thẩm quyền giao

⁷ Nhà đầu tư Saint Gobain Produits Pour la Construction (Pháp) mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Hiệp Phú - VICO; Công ty Hữu hạn Cổ phần khai thác thủy sản Hồng Bảo Quảng Đông (Trung Quốc) mua lại cổ phần tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thủy sản Liên hiệp Quốc tế Elites Việt Trung.

vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2019⁸. Một số dự án lớn như: Apec Mandala Grand Cửa Việt (500 tỷ đồng); Trung tâm phân phối hàng hóa Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị (2.005,228 tỷ đồng); Khu dịch vụ - du lịch Gio Hải (1.657,27 tỷ đồng); Khu nhà xưởng và văn phòng Trung Khởi - Quán Ngang (461,065 tỷ đồng). Dự kiến đến hết năm 2020 cấp chủ trương cho khoảng 80 dự án, với tổng số vốn 41.500 tỷ đồng.

2. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực

2.2. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Sản xuất nông nghiệp diễn ra trong điều kiện thời tiết không được thuận lợi, tuy nhiên tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực. Năng suất của hầu hết các loại cây trồng đều tăng và bằng với mức tăng cùng kỳ năm 2019; đặc biệt, sản xuất vụ Đông Xuân 2019 - 2020 được mùa toàn diện, năng suất lúa đạt 58,7 tạ/ha, cao nhất từ trước đến nay. Nhiều mô hình liên kết phát triển theo chuỗi giá trị tiếp tục được thực hiện, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Diện tích cây lương thực ước đạt 54.485,1 ha/53.800 ha kế hoạch, đạt 101,2% KH (tăng 121,8 ha). Sản lượng lương thực có hạt ước đạt 28,95 vạn, tăng 2.967,3 tấn so với cùng kỳ năm trước, vượt 11,3% kế hoạch năm 2019 (KH: 26 vạn tấn).

Tổng diện tích trồng mới và tái canh cây công nghiệp dài ngày ước đạt 257,3 ha, đạt 111,87% kế hoạch (KH 230 ha) và tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước⁹.

- Trong chăn nuôi, gặp khó khăn do hậu quả của dịch tả lợn châu Phi và lũ lụt kéo dài nên tổng đàn có xu hướng giảm so với cùng kỳ. Trong đó: đàn trâu 22.3391 con, đạt 99,9% so năm trước; đàn bò 56.601 con, tương đương năm trước; tổng đàn bò lai Zebu trên 55,8% tổng đàn bò; tổng đàn gia cầm 3.150.000 con, tăng 4,07%; tổng đàn lợn 122.674 con, giảm 6,8%. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 37.337 tấn, giảm 11,11% so với năm trước.

- Sản xuất lâm nghiệp phát triển ổn định, tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm chế biến từ gỗ vẫn bình thường tuy có ảnh hưởng dịch COVID-19 nhưng không nhiều; diện tích rừng trồng mới tập trung năm 2020 ước tính đạt 8.200 ha, giảm 10,13% so với năm trước; độ che phủ rừng tiếp tục được duy trì trên 50%.

Công tác phát triển rừng trồng gỗ lớn tiếp tục được quan tâm, nhân rộng. Trong năm, các ngành chức năng đã hỗ trợ cho các hộ gia đình tham gia trồng rừng gỗ lớn với diện tích là 600ha¹⁰. Thực hiện các mô hình chuyển hóa rừng trồng Keo lai từ sản xuất gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn với diện tích 29 ha của 13 hộ gia đình tại huyện Vĩnh Linh, Gio Linh và Hải Lăng.

⁸ 10 tháng năm 2019 cấp chủ trương đầu tư cho 63 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là 39.019 tỷ đồng.

⁹ Trong đó: Cà phê: 120 ha, Cao su: 125 ha; Hồ tiêu: 12,3 ha.

¹⁰ Trong đó tại huyện Cam Lộ diện tích 450 ha; Đakrông: diện tích 150 ha.

- Thời tiết cơ bản thuận lợi cho việc khai thác, nuôi trồng thủy sản; Công tác chống khai thác IUU trên địa bàn tỉnh được đẩy mạnh, ý thức tuân thủ các quy định về khai thác thủy sản của ngư dân được nâng lên. Tổng sản lượng thủy sản năm 2020 ước tính đạt 37.129 tấn, tăng 3,18% so với năm trước¹¹.

b) Công nghiệp - Xây dựng

- Năm 2020, hoạt động sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng tiêu cực của thời tiết, thiên tai, bão lũ trên diện rộng và đại dịch COVID-19 bùng phát. Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2020 ước tính chỉ tăng 5,25% so với năm trước (năm 2019 tăng 9,76%). Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành giữ vai trò dẫn dắt ngành công nghiệp phát triển nhưng năm 2020 chỉ tăng 5,29% (năm 2019 tăng 8,74%).

- Sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực thuộc ngành xây dựng có sự tăng trưởng. Giá trị sản xuất xây dựng năm 2020 (giá hiện hành) ước tính đạt 13.349 tỷ đồng, chủ yếu do các đơn vị ngoài nhà nước thực hiện¹². Giá trị sản xuất xây dựng năm 2020 (giá so sánh 2010) ước tính đạt 8.766,4 tỷ đồng, tăng 6,09% so với cùng kỳ năm trước (năm 2019 tăng 15,2%)¹³.

- Xác định năng lượng tái tạo là lĩnh vực then chốt, đột phá, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tích cực, chủ động xúc tiến, hỗ trợ các nhà đầu tư, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư, khởi công dự án; trọng tâm là các dự án năng lượng tái tạo. Đến nay, đã có 82 dự án điện gió được đề xuất với tổng quy mô công suất khoảng 3.860,85MW¹⁴; có 22 dự án điện mặt trời với tổng công suất khoảng 1.750MWp¹⁵; có 02 dự án nhà máy nhiệt điện than với tổng công suất 2.400MW và 3 dự án điện khí với tổng công suất 6.340MW đề xuất đầu tư tại Khu Kinh tế Đông Nam¹⁶...

c) Thương mại - Dịch vụ - Du lịch

¹¹ Trong đó: Tổng sản lượng khai thác khai thác ước đạt 29.129 tấn, tăng 6,38% so với cùng kỳ năm trước và vượt 5,9% kế hoạch; tổng sản lượng nuôi thủy sản ước đạt 8.100 tấn, đạt 94,16% so với cùng kỳ năm và bằng 85,26% so với kế hoạch.

¹² Trong tổng giá trị sản xuất, giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà ở 5.787 tỷ đồng, chiếm 43,35%; công trình nhà không ở 1.257 tỷ đồng, chiếm 9,42%; công trình kỹ thuật dân dụng 5.825 tỷ đồng, chiếm 43,63%; hoạt động xây dựng chuyên dụng 480 tỷ đồng, chiếm 3,60%.

¹³ Trong đó: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà ở 3.802,1 tỷ đồng, tăng 6,63%; giá trị sản xuất xây dựng nhà không ở 825,8 tỷ đồng, tăng 4,29%; giá trị sản xuất xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng 3.827 tỷ đồng, tăng 6,14%; giá trị sản xuất xây dựng công trình chuyên dụng 311,5 tỷ đồng, tăng 3,64%.

¹⁴ Trong đó: có 31 dự án được Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch với tổng công suất 1.177,2MW; 51 dự án với tổng công suất 2.683,65MW đang trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung quy hoạch. Bên cạnh đó, có 7 dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu, khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch với tổng công suất 1.540MW.

¹⁵ Trong đó, có 03 dự án ĐMT đã được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung quy hoạch với tổng công suất 149,5MWp, 14 dự án điện mặt trời đã trình Bộ Công Thương xem xét bổ sung quy hoạch với tổng công suất 1.293,02MWp, 05 dự án đang triển khai khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch với quy mô công suất khoảng 310,10MWp.

¹⁶ Trong đó, dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 được đưa vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia với công suất 1.320MW; Trình Bộ Công Thương Dự án Nhà máy Nhiệt điện than Quảng Trị 2. Dự án Nhà máy điện khí 340MW của Gazprom, đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch vào điện lực Quốc gia và chỉ định nhà đầu tư; 02 dự án điện khí LNG của Tập đoàn T&T (4.500MW) và của Liên danh Công ty TNHH Tài Tâm - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Kinh doanh Bất động sản Thăng Long (1.500MW).

- Năm 2020, dịch COVID-19, thiên tai bão lụt diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng hết sức nặng nề đến hoạt động thương mại và dịch vụ; nhất là hoạt động du lịch, lưu trú và ăn uống. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2020 ước tính đạt 30.959,09 tỷ đồng, tăng 3,06% so với năm trước (năm 2019 tăng 9,65%)¹⁷.

- Doanh thu vận tải năm 2020 ước tính đạt 1.815,74 tỷ đồng, tăng 7,06% so với năm trước. Số lượt hành khách vận chuyển năm 2020 ước tính đạt 6.931 nghìn HK, giảm 11,08%; số lượt hành khách luân chuyển ước tính đạt 597.852 nghìn HK.km, giảm 13,97%. Khối lượng hàng hoá vận chuyển năm 2020 ước tính đạt 10.304 nghìn tấn, tăng 7,61%; khối lượng hàng hoá luân chuyển ước tính đạt 752.815 nghìn tấn.km, tăng 3,80% so với năm trước.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch 2757/KH-UBND ngày 23/6/2020 của UBND tỉnh về các giải pháp, hoạt động kích cầu du lịch khắc phục hậu quả dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; tăng cường liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh trong khu vực, nhất là 3 tỉnh Bình-Trị-Thiên; Tổ chức Hội nghị liên kết phát triển du lịch và tổ chức đoàn Famtrip khai trương tour du lịch đảo Cồn Cỏ năm 2020, đồng thời khởi động mùa du lịch biển 2020. Tiếp tục triển khai các hoạt động xúc tiến, quảng bá, thu hút, hỗ trợ các nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư chiến lược triển khai các dự án du lịch trong thời gian qua đã đến khảo sát và lập kế hoạch đầu tư tại Quảng Trị¹⁸.

Lượng khách đến với Quảng Trị và doanh thu du lịch giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019. Tổng lượt khách du lịch đến Quảng Trị trong năm ước đạt 590.000 lượt, giảm 71,7% so với năm 2019. Số lượt khách lưu trú năm 2020 ước tính đạt 268.034 lượt, giảm 41,34% so với năm trước; số ngày khách lưu trú (chỉ tính khách ngủ qua đêm) 220.951 ngày khách, giảm 48,29%. Số lượt khách du lịch theo tour năm 2020 ước tính đạt 3.143 lượt, giảm 81,98% so với năm trước; số ngày khách du lịch theo tour 8.342 ngày khách, giảm 81,47%. Doanh thu du lịch năm 2020 giảm 71% so với năm 2019 và chỉ đạt 534 tỷ đồng.

2.2. Thực hiện cơ cấu lại đầu tư công và doanh nghiệp nhà nước

- Tổng vốn ngân sách nhà nước năm 2020 triển khai thực hiện là 3.191,977 tỷ đồng, bằng 87% so với kế hoạch được giao đầu năm cụ thể: (1) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 1.433,1 tỷ đồng, bằng 90% kế hoạch giao đầu năm; (2) Vốn ngân sách Trung ương là 1.758,879 tỷ đồng, bằng 84% kế hoạch giao đầu năm. tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn đầu tư phát triển do tỉnh quản lý 10 tháng đầu năm 2020 là 1.697,13 tỷ đồng, đạt 50,7% so

¹⁷ Trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 27.369,45 tỷ đồng, chiếm 88,41% tổng mức và tăng 6,53% so với năm trước; Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước tính đạt 2.553,53 tỷ đồng, chiếm 8,25% tổng mức và giảm 18,58% so với năm trước; Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 6,35 tỷ đồng, chiếm 0,02% tổng mức và giảm 81,61% so với năm trước; Doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 1.029,76 tỷ đồng, chiếm 3,32% tổng mức và giảm 12,43% so với năm trước.

¹⁸ Các nhà đầu tư vào Quảng Trị như: Công ty CP Tập đoàn FLC, Công ty CP phát triển AE Holdings, Công ty CP Tập đoàn SGO, Công ty CP Phát triển quan hệ Việt Nhật, Công ty CP đầu tư kinh doanh phát triển bất động sản FLCHOMES, Công ty CP đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương, Công ty CP Tập đoàn Pacific Health Care...

với kế hoạch được giao (trong đó kế hoạch là 3.347,977 tỷ đồng do tại thời điểm này nguồn thu tại các khu đất giao cho doanh nghiệp chưa được điều chỉnh), thấp hơn so với cùng kỳ năm.

- Thực hiện nghiêm túc lộ trình thoái phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước đã được phê duyệt theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020. Nhìn chung công tác thoái vốn tại các Doanh nghiệp nhà nước được tỉnh quan tâm triển khai thực hiện theo đúng lộ trình đã được Chính phủ phê duyệt. Sau khi thực hiện sắp xếp, đổi mới theo mô hình hoạt động mới, hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều công ty cổ phần trên địa bàn được cải thiện đáng kể, đạt hiệu quả cao¹⁹.

3. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp

3.1. Về cải thiện môi trường kinh doanh:

- Trước các ảnh hưởng tiêu cực do COVID-19 mang lại cho các doanh nghiệp trên địa bàn; UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các Sở, Ngành và địa phương thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch bệnh Covid-19 tại các Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 01/6/2020 của UBND tỉnh, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19

- Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo các ngành, các cấp chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020²⁰. Định kỳ tổ chức Hội nghị đối thoại, duy trì mô hình cà phê doanh nhân, bám sát cơ sở để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

3.2. Về khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp

- Trong năm UBND tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp theo Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND của tỉnh ủy về hỗ trợ phát triển doanh

¹⁹ Cụ thể: Nhà nước giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc không nắm giữ vốn điều lệ như sau: (i) Công ty TNHH MTV Đông Trường Sơn, nhà nước không nắm giữ cổ phần; (ii) Công ty Cổ phần Tân Hưng, nhà nước không nắm giữ cổ phần; (iii) Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Quảng Trị, nhà nước không nắm giữ cổ phần; (iv) Công ty Cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị hiện nhà nước nắm 22,6% cổ phần.

- Nhà nước giữ trên 50% vốn điều lệ đối với 03 công ty sau cổ phần hóa: (i) Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị hiện nhà nước nắm giữ 51% cổ phần; (ii) Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà hiện nhà nước nắm 55,38% cổ phần; (iii) Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Việt nhà nước nắm giữ 96,959 % cổ phần.

²⁰ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 1/1/2020 của Chính phủ; Kế hoạch hành động số 402/CTHĐ-UBND ngày 7/02/2020 của UBND tỉnh; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 01/6/2020 về thực hiện một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và triển khai các dự án đầu tư, nhằm khôi phục phát triển kinh tế, ổn định xã hội.

ng nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị. Tổ chức các đoàn có lãnh đạo tỉnh tham gia đến thăm hỏi, động viên doanh nghiệp cũng như hỗ trợ, giúp đỡ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh;

- Xây dựng và triển khai thực hiện phần mềm đăng ký và quản lý hợp tác xã, hộ kinh doanh và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Đến nay, 100% các huyện, thị xã và thành phố thực hiện cấp giấy chứng nhận Hộ kinh doanh theo phần mềm đăng ký và quản lý hợp tác xã, hộ kinh doanh và doanh nghiệp.

- Công tác kiểm tra việc chấp hành các nội dung sau đăng ký doanh nghiệp luôn được quan tâm, chú trọng²¹. Thời gian thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh của tỉnh được rút ngắn (dưới 02 ngày) hơn so với thời gian xử lý trung bình chung của cả nước.

- Trong 10 tháng đầu năm 2020 toàn tỉnh có 438 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký hơn 7.915 tỷ đồng, toàn tỉnh có 3.919 doanh nghiệp và 1.226 đơn trực thuộc (gồm 546 Chi nhánh, 94 Văn phòng đại diện và 586 địa điểm kinh doanh) đang hoạt động. Ước thực hiện cả năm 2020, số doanh nghiệp thành lập mới là 460 doanh nghiệp, đạt 115% so với kế hoạch, tăng 21% so với thực hiện năm 2019.

4. Tiếp tục đẩy mạnh 3 đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 92-CTHĐ/TU ngày 17/10/2017 thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; số 93-CTHĐ/TU ngày 17/10/2017 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và số 94-CTHĐ/TU ngày 17/10/2017 thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 về tiếp tục cơ đẩy mạnh phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về phát triển nguồn nhân lực; đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; đổi mới công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ; gắn kết giữa phát triển nguồn nhân lực với ứng dụng khoa học, công nghệ... Đẩy mạnh dạy nghề, gắn công tác đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và xã hội.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về quy định một số chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút và tạo nguồn nhân lực có chất lượng của

²¹ Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, tránh việc thanh tra kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, gây phiền hà cho doanh nghiệp và Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh.

tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2013 - 2020; Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh về bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Trong năm, các Ngành và địa phương đã tiếp nhận 230 hồ sơ thuộc đối tượng được cử đi đào tạo sau đại học theo chính sách của tỉnh, CBCCVC được thu hút, CBCC nữ thẩm định, trình UBND tỉnh Quyết định hỗ trợ với kinh phí 867.578.000 đồng.

- Tích cực thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển ngoài nhà nước, nhất là nguồn vốn trong nhân dân và các thành phần kinh tế tư nhân. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện để sớm hoàn thành các dự án; triển khai một số dự án mới về đầu tư kết cấu hạ tầng trong lĩnh vực giao thông, công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch, y tế, giáo dục, quản lý nhà nước và quốc phòng - an ninh như: Hoàn thành một số công trình thuộc Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông; các công trình giao thông thuộc Dự án WB4; Dự án đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà ... một số công trình giao thông đô thị quan trọng trên địa bàn thành phố Đông Hà; Triển khai thực hiện dự án Phát triển CSHT cho tăng trưởng toàn diện tỉnh Quảng Trị (ADB)...

Hạ tầng giao thông tiếp tục được tỉnh quan tâm đầu tư, ưu tiên các tuyến giao thông có tính lan tỏa, có tính kết nối với vùng kinh tế trọng điểm, liên kết khu vực đặc biệt các vùng miền núi. Tỉnh đã ưu tiên tập trung nhiều nguồn vốn để đầu tư xây dựng một số công trình hạ tầng quan trọng nhất là phát triển trục kinh tế kết nối Khu kinh tế Đông - Nam với Hành lang Kinh tế Đông - Tây, Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, Khu kinh tế cửa khẩu La Lay, Khu du lịch biển Cửa Việt - Cửa Tùng - đảo Cồn Cỏ. Đã có nhiều công trình giao thông có ý nghĩa kết nối các trọng điểm kinh tế của tỉnh. Tập trung thực hiện mục tiêu xây dựng thành phố Đông Hà lên đô thị loại II, đầu tư xây dựng, phát triển một số khu đô thị mới, các công trình giao thông, chỉnh trang đô thị và một số hạ tầng đô thị thiết yếu.

5. Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

5.1. Giáo dục – đào tạo

- Tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình hành động số 95-CTHĐ/TU của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 20/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đạt nhiều kết quả tích cực.

- Quy mô mạng lưới trường, lớp học được tổ chức, sắp xếp lại hợp lý, phù hợp với từng địa phương²². Công tác kiểm định chất lượng giáo dục; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và phổ cập giáo dục có nhiều chuyển biến, chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn được duy trì ổn định và có bước phát triển mới, số lượng và chất lượng giải tại kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hoá cấp quốc gia được tổ chức tại tỉnh cao hơn năm trước với kết quả 30 giải, tăng 5 giải so với năm 2019²³. Công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh. Tích cực chuẩn bị các điều kiện để áp dụng chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới tại địa phương; hoàn thành biên soạn tài liệu giáo dục địa phương đối với lớp 1, đưa vào sử dụng từ năm học 2020 - 2021.

- Bên cạnh những kết quả đạt được, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID - 19 và tình hình bão lũ trong năm 2020 đã tác động lớn đối với ngành giáo dục và đào tạo, đặc biệt là công tác dạy, học và đảm bảo chất lượng giáo dục. Dịch bệnh Covid 19 buộc các cơ sở giáo dục phải tạm dừng việc dạy học, gây xáo trộn kế hoạch của toàn ngành, tác động lớn đến chất lượng giáo dục, tâm lý, tư tưởng của cán bộ giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh²⁴. Mưa lũ đã làm khoảng 200 trường học với 308 điểm trường học bị ngập lụt, nhiều thiết bị, phương tiện dạy học, đồ dùng, đồ chơi, sách giáo khoa, sách tham khảo bị hư hỏng...

5.2. Về lao động, việc làm, an sinh xã hội

- Công tác giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn tỉnh quan tâm chỉ đạo. Trong năm, tỉnh đã tổ chức 04 hội nghị phổ biến chính sách việc làm và xuất khẩu lao động, 01 hội nghị tập huấn thu thập thông tin thị trường lao động. Thành lập Trường Cao đẳng kỹ thuật Quảng Trị²⁵ trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Quảng Trị, Trường Trung cấp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đến ngày 30/10/2020 toàn tỉnh có 7.548 lao động được tạo việc làm mới, đạt 68,62% kế hoạch năm²⁶; tuyển sinh đào tạo giáo dục nghề nghiệp 9.242 người

²² Toàn tỉnh hiện có 400 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và các trung tâm (trong đó 379 đơn vị công lập và 21 đơn vị tư thục), giảm 07 trường so với năm học 2019 - 2020.

²³ Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 97,0% (KH 96%); Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đi học ở cấp tiểu học đạt 99,87% (KH 99,9%), cấp THCS đạt 95,5% (KH 95%). Đến thời điểm 30/7/2020: có 374 trường học được kiểm định chất lượng (đạt tỉ lệ 94,5%). Toàn tỉnh có 269/397 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 67,8%), trong đó cấp mầm non có 102 trường, cấp Tiểu học 60 trường, cấp THCS 41 trường, TH&THCS có 57 trường và THPT 9 trường. Kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hoá quốc gia lớp 12 THPT: Tổng cộng 30 giải, trong đó có 06 giải nhì, 10 giải ba và 14 giải khuyến khích, là năm đạt số lượng giải cao nhất trong 9 năm trở lại đây.

²⁴ Do dịch Covid 19 học sinh cấp MN, TH và THCS nghỉ học từ ngày 04/02 đến ngày 03/5, học sinh THPT, GDTX được nghỉ học từ ngày 04/02, đi học lại từ ngày 03/3 và đến 23/3 được nghỉ học lại cho đến ngày 03/5; . Ban hành Quyết định sửa đổi bổ sung về khung kế hoạch thời gian năm học; điều chỉnh tinh giảm các nội dung của các môn học theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; chuyển đổi hình thức từ dạy học truyền thống sang dạy học trực tuyến,...

²⁵ Theo quyết định số 765/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2020 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

²⁶ Trong đó: Lao động làm việc trong tỉnh 3.976. lao động làm việc ngoài tỉnh 2.604 và lao động làm việc ở nước ngoài 968 trong đó làm việc ở nước Lào: 113 lao động, xuất khẩu lao động các nước: 855 lao động, (trong đó: 52 lao động Hàn Quốc, 570 lao động Nhật Bản, 230 lao động Đài Loan, 03 lao động các thị trường khác). Các địa

(đạt 54,69 % kế hoạch)²⁷. Ước tính năm 2020 toàn tỉnh giải quyết việc làm mới cho khoảng 10.000 lao động (đạt 90,91 % kế hoạch)²⁸; tuyển sinh, đào tạo cho 14.000 lao động (đạt 82,84% kế hoạch)²⁹, dự kiến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65,88% (đạt 100% kế hoạch); tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 46,5% (93% kế hoạch); lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 31% (đạt 96,88% kế hoạch).

- Công tác bảo trợ xã hội và chính sách thương binh, liệt sĩ, người có công tiếp tục được đặc biệt quan tâm chăm lo³⁰. Tổ chức Lễ trao và truy tặng Danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, nâng tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng trên toàn tỉnh lên 2.786 người, trong đó có 42 mẹ còn sống. Tính đến ngày 30/10/2020, toàn tỉnh có 37.683 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

Rà soát, tổng hợp, lập danh sách đối tượng người có công với cách mạng được hỗ trợ trong đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, có 14.773 người thuộc nhóm đối tượng người có công với cách mạng được nhận hỗ trợ với kinh phí 22.127 triệu đồng.

- Công tác giảm nghèo năm 2020 đã đạt được những kết quả tích cực, nhưng do ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh là hết sức nặng nề và có thể kéo dài nên nguy cơ tái nghèo ở một số địa phương vẫn còn hiện hữu. Ước trong năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 1,5% đạt mục tiêu kế hoạch đề ra (từ 8,08% hộ nghèo đầu năm 2020 xuống còn 6,58%).

- Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới được quan tâm, dự ước cuối năm 2020, toàn tỉnh có 97 % trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt được chăm sóc, bảo vệ; 100% cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được đào tạo kỹ năng cơ bản. Các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới được các đơn vị, địa phương quan tâm thực hiện.

5.3. Y tế, Công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19

- Mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố, cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác y tế được chú trọng đầu tư³¹. Đội ngũ cán bộ y tế ngày càng được tăng cường

phương làm tốt công tác xuất khẩu lao động là huyện Gio Linh (171 lao động), huyện Vĩnh Linh (168 lao động), huyện Triệu Phong (119 lao động).

²⁷ Trong đó: Cao đẳng 173 người; trung cấp 496 người; sơ cấp và đào tạo thường xuyên 8.572 người

²⁸ Xuất khẩu 1.050 lao động (đạt 87,5% kế hoạch). Ước tỷ lệ thất nghiệp thành thị khoảng 2,9%.

²⁹ Trong đó: Cao đẳng 300 người; trung cấp 700 người; sơ cấp và đào tạo thường xuyên 13.000 người (trong đó đào tạo nghề cho lao động nông thôn 6.500 người).

³⁰ Nhân dịp Tết Nguyên Đán Canh Tý 2020, trao tặng 31.652 suất quà cho người có công và gia đình chính sách người có công, kinh phí quà tặng 6.445 triệu đồng. Đã trao tặng 25.361 suất quà của Chủ tịch nước cho người có công và gia đình chính sách người có công, kinh phí quà tặng 5.154,6 triệu đồng nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh-Liệt sĩ; 2.210 suất quà ngân sách huyện với kinh phí 601 triệu đồng; các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân trao 12.436 suất quà với kinh phí 2.089 triệu đồng cho các đối tượng Người có công với cách mạng...

³¹ Đến nay toàn tỉnh có 162 cơ sở y tế (20 Bệnh viện và Phòng khám đa khoa khu vực; 141 trạm y tế xã, phường, thị trấn; 01 cơ sở y tế khác); có 2.025 giường bệnh; không thay đổi so với năm trước.

về số lượng và chất lượng chuyên môn³². Công tác khám, chữa bệnh được duy trì tốt và có chất lượng. Tuy nhiên, trong năm 2020 do 2 lần thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch COVID-19 nên số bệnh nhân điều trị nội trú giảm so với năm trước³³. Ước tính đến cuối năm 2020, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95.48%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng dưới 13,7%.

- Công tác phòng chống dịch COVID-19 tại Quảng Trị được UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện khẩn trương, nghiêm túc, chủ động và quyết liệt. Trên địa bàn tỉnh đã ghi nhận 07 trường hợp mắc COVID-19, trong đó có 01 trường hợp tử vong. Từ 14/8/2020 đến nay, trên địa bàn tỉnh không ghi nhận thêm trường hợp nào mắc mới COVID-19. Vừa triển khai các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 vừa xử lý cấp bách các ổ dịch sốt xuất huyết và bạch hầu phát sinh...

- Tích cực chỉ đạo các đơn vị y tế liên quan triển khai công tác hướng dẫn người dân vệ sinh môi trường sau mưa lũ; Hỗ trợ cung cấp thuốc hoá chất, để khử trùng nguồn nước sinh hoạt cho người dân. Chủ động tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn. Trong 10 tháng năm 2020 trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm, làm 36 người bị ngộ độc; không có trường hợp tử vong.

5.4. Về phát triển văn hóa, thể dục, thể thao

- Trong năm, tỉnh đã tổ chức thành công nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT chào mừng các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước, trong đó tập trung trọng điểm vào dịp kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao mừng Xuân Canh Tý 2020 tại các địa phương... Công tác tu bổ, sửa chữa các di tích, kiểm tra, sưu tầm hiện vật được triển khai thực hiện theo kế hoạch³⁴. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và thiên tai trong năm 2020 nên lượng khách đến tham quan, thăm viếng tại các điểm di tích, bảo tàng trên địa bàn tỉnh giảm so với cùng kỳ năm 2019³⁵.

³² có 2.882 cán bộ ngành y, tăng 1,73% so với năm trước (trong đó có 625 bác sĩ trở lên, tăng 0,81%); có 222 cán bộ ngành dược, giảm 3,06% (trong đó có 60 dược sỹ cao cấp trở lên, tăng 13,21%).

³³ Năm 2020, ước tính có 812.560 lượt người khám bệnh, tăng 4,95% so với năm trước; 107.250 lượt bệnh nhân điều trị nội trú, giảm 9,81%; số ngày điều trị nội trú 803.350 ngày, giảm 7,11%.

³⁴ Lập hồ sơ đề nghị xếp hạng 06 di tích cấp tỉnh; thực hiện bổ sung hồ sơ khoa học 52 di tích đã xếp hạng năm 1996 và năm 2004; Xây dựng KH triển khai lập hồ sơ xếp hạng di tích QGĐB “Hệ thống khai thác nước cổ vùng Quảng Trị”. Tổ chức khảo sát hiện trạng, lập đề cương, gặp gỡ nhân chứng, biên soạn nội dung các hồ sơ khoa học di tích đã xếp hạng cấp tỉnh tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục sửa chữa, chống xuống cấp Bảo tàng Quảng Trị; Tu bổ giếng Búng, Giếng Côi, Giếng Dưới thuộc di tích Giếng cổ Gio An; Quản lý dự án công trình “Di tích lịch sử Cao điểm 689 Khe Sanh”... Lập đề cương sưu tầm hiện vật văn hóa, nông nghiệp, nông thôn của người Việt tại Quảng Trị; Xây dựng phần mềm Quản lý hồ sơ lý lịch hiện vật; Di vật, cổ vật, bảo vật Quốc gia; Quản lý phim ảnh... Thực hiện 1000 số kiểm kê với hơn 2.800 hiện vật.

³⁵Năm 2020: các cơ sở di tích, bảo tàng đón và phục vụ khoảng 118.900 lượt khách. Trong đó, khách miễn giảm vé theo quy định khoảng 4.200 lượt, khách đăng hương, dâng hoa và tham quan khoảng 86.000 lượt, khách thu vé khoảng 28.700 lượt, đạt doanh thu khoảng 1,626 tỷ đồng, giảm 3,115 tỷ đồng so với năm 2019.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với “Cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Thể thao quần chúng được đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động³⁶; Thể thao thành tích cao được quan tâm³⁷. Tuy nhiên, do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 và thiên tai bão lụt trong năm 2020, việc phối hợp, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao tại địa phương, đơn vị và tham gia các giải thể thao do Trung ương tổ chức tạm hoãn, một số nhiệm vụ triển khai chậm hơn so với kế hoạch đề ra.

6. Thông tin, truyền thông

UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại, bưu chính, viễn thông và CNTT. Tập trung vào công tác thông tin, tuyên truyền; vận hành tốt mạng lưới thông tin, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Hạ tầng bưu chính phát triển ổn định; hạ tầng viễn thông được nâng cấp, mở rộng và nâng cao chất lượng.

Tăng cường truyền thông nhiều nội dung quan trọng phục vụ cho sự phát triển kinh tế-xã hội và nhất là truyền thông thực hiện phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Đến nay, 100% cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trường học, trạm y tế, UBND xã, phường, thị trấn được cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông, internet băng thông rộng. Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị kết nối với Cổng thông tin điện tử Chính phủ nhằm công khai, minh bạch thông tin tiếp nhận và xử lý hồ sơ của các tổ chức, người dân, doanh nghiệp. Dịch vụ công được nâng cấp lên mức độ 4 đạt 36/38 thủ tục đạt trên 90%.

Đến 30/9/2020, trên địa bàn tỉnh có 174 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính. Có 101/125 xã, phường, thị trấn và 9/10 huyện, thị xã, thành phố (trừ huyện đảo Cồn Cỏ) có báo đến trong ngày. Tổng số trạm thu phát sóng điện thoại di động (BTS) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 2.441 trạm. Ước tính đến 31/12/2020, toàn tỉnh có 630.277 thuê bao điện thoại, tăng 3,75% so với cùng thời điểm năm trước; trong đó có 9.542 thuê bao cố định, giảm 13,96% và 620.735 thuê bao di động, tăng 4,07%. Ước tính số thuê bao Internet phát triển mới năm 2020 là 11.831 thuê bao, tăng 57,18% so với năm trước; số thuê bao Internet có đến 31/12/2020 là 96.175 thuê bao, tăng 16,84% so với cùng thời điểm năm trước.

7. Khoa học và Công nghệ

- Tích cực triển khai công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống, góp phần hỗ trợ người dân,

³⁶Các chỉ tiêu về thể dục thể thao ước đạt năm 2020: tỷ lệ người dân tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 35% dân số; tỷ lệ gia đình thể thao đạt 27% số hộ; số câu lạc bộ và điểm tập thể dục thể thao đạt 800 CLB; có 83% cán bộ, CNVC tập luyện thường xuyên một môn thể thao; 98,8% trường phổ thông thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục thể chất nội khóa; 99,7% cán bộ chiến sỹ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực.

³⁷Tổng số VĐV được đào tạo tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh 100 VĐV (Trong đó có: 57 VĐV tuyển năng khiếu, 18 VĐV tuyển trẻ, 25 VĐV tuyển tỉnh). Tham gia thi đấu 21 giải thể thao quốc gia, đạt 67 huy chương các loại (10HCV, 28HCB, 29HCD).

doanh nghiệp nâng cao đời sống, phát triển sản xuất, phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ được đẩy mạnh, trong đó ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới phục vụ phát triển một số sản phẩm chủ lực của tỉnh³⁸.

- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã chú trọng xác định các nội dung gắn liền với sản phẩm cụ thể, có địa chỉ ứng dụng cụ thể, kể cả trong lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn³⁹; nhiều sản phẩm khoa học và công nghệ đã được thương mại hóa⁴⁰. Thông qua đó đã góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nâng cao đời sống, phát triển sản xuất, phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

8. Công tác dân tộc và miền núi

Tình hình kinh tế và đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng miền núi ổn định, có những mặt được cải thiện, không còn tình trạng thiếu ăn trong kỳ giáp hạt. Các cấp ủy Đảng, chính quyền luôn quan tâm thực hiện tốt các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Các chương trình, chính sách, dự án đầu tư cho vùng miền núi được thực hiện đầy đủ, kịp thời, phát huy được hiệu quả. Kinh tế miền núi tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, hiệu quả, tạo thêm nhiều việc làm, tăng cường bảo vệ rừng, môi trường sinh thái, từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá để thoát đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu. Công tác tuyên truyền vận động, phổ biến các chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số luôn được chú trọng. Tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; không có các vụ khiếu kiện tập thể và tranh chấp đất đai nội vùng đồng bào DTTS. Hoạt động của các tôn giáo trên địa bàn diễn ra theo đúng quy định pháp luật. Tình hình an ninh biên giới được giữ vững.

9. Tình hình thực hiện công tác quy hoạch; phát triển đô thị; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới.

- Công tác quy hoạch trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực, thực hiện đúng theo quy định và từng bước đi vào nề nếp, góp phần quan trọng trong triển khai thực hiện các định hướng phát triển, trong đầu tư và thu hút đầu tư. Chủ động thi hành Luật Quy hoạch, rà soát, tổng hợp danh mục các quy hoạch đã và đang thực hiện, xem xét, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng

³⁸Đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nuôi cá chình lồng tại Quảng Trị”; Đề tài “Ứng dụng công nghệ sản xuất và sử dụng chế phẩm Probiotic bổ sung thức ăn nuôi trồng thủy sản phù hợp tại tỉnh Quảng Trị”; Đề tài “Nghiên cứu, khảo nghiệm tập đoàn giống lúa mới ngắn ngày, chất lượng cao và phục tráng giống lúa HC95”...

³⁹Đã hoàn thành đề tài “Địa chí Quảng Trị” là một công trình khoa học xã hội nhân văn lớn của tỉnh; Nhiều đề tài đề xuất được giải pháp, chính sách hữu ích trong các lĩnh vực đời sống văn hóa tinh thần, xúc tiến thương mại sản phẩm, giải quyết việc làm như “Nghiên cứu xây dựng mô hình kết nối cung - cầu hàng hóa hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế”; “Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển”; “Nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể các điệu hò trên đất Quảng Trị”

⁴⁰Chè Vằng, Cà gai leo – Linh chi, các loại thực phẩm, thức uống bảo vệ sức khỏe như Đông trùng hạ thảo, rượu tỏi đen, các cây hoa và cây dược liệu như Ba Kích, Sâm Cau, loại hoa cao cấp, các giống cây ăn quả, dược liệu quý hiếm như lan hồ điệp, hoa lily, dâu tây, cà chua siêu ngọt, lan kim tuyến, các loại cây lá cảnh...

hóa, dịch vụ, sản phẩm đã sản xuất, tiêu thụ được quyết định hoặc phê duyệt. Tập trung tổ chức lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo kế hoạch đề ra.

Công tác thẩm định, thỏa thuận các nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình được nâng cao chất lượng, tiến độ thực hiện; kiểm soát chặt chẽ hơn việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn cũng như việc điều chỉnh quy hoạch. Từ đầu năm, tỉnh đã phê duyệt 07 đồ án quy hoạch chung; phê duyệt 06 đồ án quy hoạch chi tiết. Phê duyệt nhiệm vụ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dịch vụ - du lịch Gio Hải (giai đoạn 1), xã Gio Hải huyện Gio Linh tỉnh Quảng Trị.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục được chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả. Đến tháng 10/2020, toàn tỉnh có 49/101 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới chiếm tỷ lệ 48,5%. Tiêu chí đạt bình quân là 15,65 tiêu chí/xã; có 3 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 01 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Dự kiến đến cuối năm 2020 có thêm 7-8 xã đạt chuẩn, nâng số xã lên 55-56/101 xã (chiếm 54- 55,4%), huyện Đakrông dự kiến đến cuối năm 2020 có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Triệu Nguyên) đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị đã đề ra, đạt mục tiêu năm 2020.

10. Về quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường

- Công tác quản lý tài nguyên, đất đai, khoáng sản được tăng cường. UBND tỉnh đã chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường, kiên quyết dừng chủ trương đầu tư đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Huy động nhiều nguồn vốn để từng bước đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các cơ sở sản xuất công nghiệp.

- Công tác giao đất, cho thuê đất, đo đạc, lập bản đồ địa chính được triển khai thực hiện nghiêm túc và đồng bộ. Tiếp nhận và xử lý kịp thời các hồ sơ thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Công tác kê khai, thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp được tăng cường. Tổ chức kiểm tra, xử lý các tổ chức sử dụng đất không đúng tiến độ hoặc sử dụng sai mục đích; kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường.

- Nhiều hoạt động thiết thực hưởng ứng ngày môi trường thế giới và chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2020 được tỉnh tổ chức thực hiện, đặc biệt là khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh bằng các hành động cụ thể với phương châm hiệu quả, thiết thực, đảm bảo phong trào được duy trì thường xuyên, tạo bước chuyển biến mới trong công tác bảo vệ môi trường⁴¹... Từ đầu năm đến nay phát hiện 137 vụ vi phạm môi trường, giảm 19,41% so với cùng kỳ năm

⁴¹ Tổ chức hưởng ứng: Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2019 với các hoạt động điểm quy mô cấp tỉnh tại xã Hải Vĩnh; Giờ Trái đất... Thực hiện các chuyên mục tài nguyên môi trường trên Đài PTTH tỉnh.

trước; xử lý 130 vụ, giảm 16,13%; số tiền xử phạt 527,5 triệu đồng, giảm 18,03%.

Trong tháng 10/2020, địa bàn tỉnh Quảng Trị chịu ảnh hưởng kết hợp của nhiều hình thể thời tiết nguy hiểm như: Không khí lạnh, dải hội tụ nhiệt đới, các vùng áp thấp trên Biển Đông, đới gió Đông hoạt động mạnh, bão số 6, bão số 7, áp thấp nhiệt đới, bão số 8 và bão số 9; đặc biệt từ ngày 06-21/10/2020, trên địa bàn tỉnh đã liên tục xảy ra dồn dập các đợt mưa rất lớn, ngập lụt trên diện rộng, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, gió mạnh, sóng lớn trên biển, ... (trong đợt mưa lũ này xuất hiện đỉnh lũ vượt lũ lịch sử trên tất cả các lưu vực sông với 04 đợt lũ chồng lũ nối tiếp nhau, gây thiệt hại hết sức nghiêm trọng về tính mạng, tài sản, công trình cơ sở hạ tầng và sản xuất.Ước tính giá trị thiệt hại tính đến ngày 31/10/2020 khoảng 3.000 tỷ đồng.

11. Về cải cách hành chính; thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng Chính phủ điện tử và sắp xếp tổ chức bộ máy; phòng, chống tham nhũng, lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Nhiệm vụ cải cách hành chính được tỉnh đặc biệt chú trọng nhằm cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực được rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện. Việc giải quyết thủ tục hành chính nhanh hơn, đảm bảo công khai, minh bạch.

- Công tác cải cách bộ máy hành chính có nhiều chuyển biến tích cực, tiếp tục được thực hiện theo hướng dẫn của các Bộ, Ngành Trung ương và Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã, thôn, khu phố; cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TV/ ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017.

Trong năm, UBND tỉnh đã thực hiện ... đợt tinh giản biên chế trong năm 2020 đối với ... chỉ tiêu (hành chính:...; sự nghiệp:...; cán bộ, công chức cấp xã:...), đạt tỷ lệ ...% so với kế hoạch (Tinh giản ...người, chiếm tỷ lệ ...%; cắt giảm ... chỉ tiêu, chiếm tỷ lệ ...%).

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác tiếp công dân được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Ban tiếp công dân tỉnh cùng với lãnh đạo tỉnh và các Sở, Ngành có liên quan đã thực hiện tốt công tác tiếp công dân thường xuyên và định kỳ với tổng số 832 lượt/955 người/754 vụ việc (129 vụ cũ; 625 vụ mới). Các cấp hành chính trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 1.126 đơn (cấp tỉnh 115; cấp huyện 909; cấp sở ngành 102), qua kiểm tra, sàng lọc, đơn đủ điều kiện xử lý là 1.020 đơn; trong đó khiếu nại 51 đơn; tố cáo 42 đơn, kiến nghị, phản ánh 927 đơn.

12. Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

Tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được củng cố và tăng cường. Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương được triển khai kịp thời, đảm bảo đúng kế hoạch. Lực lượng vũ trang đã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị, văn hóa quan trọng, các ngày lễ, Tết trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác giao quân năm 2020 đạt 100% chỉ tiêu.

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, các lực lượng đã chủ động phối hợp chặt chẽ để nắm chắc tình hình địa bàn. Thực hiện tốt nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới và biển đảo; đặc biệt là phòng chống dịch COVID - 19 và các đợt bão lũ trong năm. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; ngăn chặn mọi âm mưu hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng, chống tội phạm tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả.

Hoạt động đối ngoại tiếp tục đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tiếp tục triển khai các Nghị quyết, văn bản của Trung ương và địa phương về công tác hội nhập quốc tế và ngoại giao kinh tế. Tuy nhiên, do đại dịch COVID - 19 bùng phát trên toàn cầu nên số lượng đoàn ra, đoàn vào sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, tính đến 30/10/2020 số lượng đoàn khách nước ngoài vào làm việc là 31 đoàn/188 lượt người. Tỉnh đã tổ chức đón tiếp và làm việc với một số đoàn như: Đoàn Đại sứ quán Cu Ba tại Việt Nam, Giám đốc NPA (tổ chức viện trợ nhân dân Na Uy) khu vực châu Á, Giám đốc cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID), đoàn cựu chiến binh Mỹ tham chiến tại Việt Nam (WA)... Đồng thời, tham gia một số hội nghị như: hội nghị “Lãnh đạo địa phương Việt Nam - Nhật Bản 2020”, Hội nghị “Gặp gỡ Hàn Quốc 2020”.

VI. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong 10 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2020 tuy có tăng trưởng so với cùng kỳ nhưng mức tăng còn thấp như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), tạo việc làm mới, thu xuất nhập khẩu, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng...

- Hoạt động thương mại, dịch vụ gặp khó khăn bởi dịch bệnh và chịu ảnh hưởng của biện pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh COVID-19, một số hoạt động kinh doanh, dịch vụ nhiều tháng liền phải tạm dừng.

- Hầu hết quy mô các hoạt động đầu tư du lịch còn nhỏ, phương thức kinh doanh chậm được cải tiến đổi mới. Hoạt động kinh doanh lữ hành chưa thật chuyên nghiệp; công tác quảng bá, xúc tiến du lịch và công tác tiếp thị thị trường chưa được sự quan tâm của doanh nghiệp.

- Hạ tầng kỹ thuật triển khai ứng dụng CNTT còn thiếu đồng bộ; Việc ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao (3,4) chưa đạt mục tiêu, việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của các doanh nghiệp chưa gắn với việc phát triển thương mại điện tử.

- Công tác vận động tuyên truyền các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn. Nhiều doanh nghiệp gặp phải khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến phải tạm ngừng và giải thể doanh nghiệp (có 176 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động tăng 52% so với cùng kỳ năm ngoái và 78 doanh nghiệp giải thể).

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai còn có mặt hạn chế, nhất là trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có nơi còn chưa thống nhất với các quy hoạch khác; các thủ tục hành chính về đất đai còn chồng chéo, công tác giao đất, cho thuê đất gặp khó khăn.

- Hành lang pháp lý về hoạt động đầu tư tại Việt Nam đã được hình thành và từng bước điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện còn chồng chéo, thiếu sự thống nhất, gây khó khăn cho cơ quan thẩm định, nhà đầu tư.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Dịch bệnh COVID-19, dịch bệnh trên cây trồng, con nuôi và thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng rất lớn tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ ngưng trệ; đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước gặp rất nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển cho các ngành và lĩnh vực.

- Công tác GPMB chậm, không đảm bảo tiến độ bàn giao cho nhà đầu tư, gây khó khăn cho nhà đầu tư trong triển khai thực hiện dự án cũng như trong việc quyết định đầu tư.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Có một số Sở, Ngành, địa phương chưa thực sự quyết liệt trong tổ chức thực hiện kế hoạch được giao, nhất là kế hoạch vốn đầu tư công đã bố trí; trong tổ chức thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; trong công tác hoàn thiện, thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, bản vẽ thi công;...

- Sản xuất hàng hóa còn mang nặng tính cá thể, manh mún, phân tán. Các mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, chậm được nhân rộng. Năng lực sản xuất kinh doanh, năng lực quản trị của phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

- Cơ sở hạ tầng và các chính sách hỗ trợ đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư, hạ tầng vẫn là hạn chế trong kêu gọi đầu tư vào tỉnh Quảng Trị. Đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư còn thiếu về số lượng, đa số hoạt động kiêm nhiệm, tính chuyên nghiệp chưa cao, kinh nghiệm và kỹ năng xúc tiến đầu tư còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đang đặt ra.

- Các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, trong đó các nguyên nhân chính là do ngại thủ tục hành chính (về kê khai thuế, bảo hiểm xã hội, chấp hành các quy định về sổ sách kế toán, tiếp cận với việc số hóa doanh nghiệp, kể cả e ngại việc thanh tra, kiểm tra hàng năm...) sau khi chuyển đổi.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2021

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp, là năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025 theo Nghị quyết của Quốc hội, HĐND tỉnh.

Tình hình quốc tế, trong nước dự báo có những thời cơ, thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen, trong đó đại dịch COVID-19 tiếp tục tác động tiêu cực trên nhiều mặt đến kinh tế thế giới và Việt Nam. Kinh tế trong nước vẫn còn khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế, môi trường đầu tư kinh doanh và hội nhập kinh tế đặc biệt đầu tư từ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân. Thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường. Nhu cầu đầu tư cho phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng an ninh, ứng phó với biến đổi khí hậu rất lớn nhưng nguồn lực còn hạn hẹp....

Tuy nhiên bên cạnh những khó khăn, thách thức như trên, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; lạm phát được kiểm soát, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên...; đồng thời với những giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp sẽ tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng mạnh hơn nhằm phát huy các kết quả đã đạt được, vượt qua các khó khăn, thách thức, tạo tiền đề thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2021-2025.

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Tập trung thực hiện hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; thúc đẩy mạnh mẽ cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo; làm tốt công tác thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội. Cùng cố quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (theo GRDP) đạt 6,5-7% so với năm 2020, trong đó: nông - lâm - ngư nghiệp tăng 2,5-3%; công nghiệp - xây dựng tăng 10-11%; dịch vụ tăng 6-6,5%.

- GRDP bình quân đầu người đạt trên 56,5 triệu đồng.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 32.000 tỷ đồng.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn ... tỷ đồng, bao gồm: thu nội địa ... tỷ đồng; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ... tỷ đồng.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn ... triệu USD.

- Sản lượng lương thực có hạt 26 vạn tấn.

- Trồng mới rừng tập trung: 7.000 ha.

- Tổng sản lượng thủy sản 37.000 tấn.

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới là 60% -61% (có thêm 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới).

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ: 36.876 tỷ đồng.

- Số doanh nghiệp thành lập mới trên 450 doanh nghiệp.

2.2. Các chỉ tiêu xã hội

- Giữ vững chuẩn phổ cập THCS tại 100% xã, phường, thị trấn; Phần đầu kế hoạch 2021 có thêm 37 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia (nâng số trường đạt chuẩn lên 306/397 trường đạt tỷ lệ 77%).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65-70%; trong đó: Tỷ lệ đào tạo nghề có bằng cấp chứng chỉ đạt 32%.

- Tạo việc làm mới cho 11.000 lao động.

- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%.

- Mức giảm tỷ suất sinh trên 0,3‰,

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh 1,0-1,5%.

2.3. Các chỉ tiêu môi trường

- Tỷ lệ độ che phủ rừng 50%

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95,5%.

- Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch đạt 95 %.

- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị đạt 95-100%

2.4. Các chỉ tiêu về an ninh, quốc phòng

- Công tác tuyên quân đạt 100% kế hoạch

II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Tổ chức thực hiện kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp điều hành của Chính phủ về tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

Tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động linh hoạt nhằm ổn định giá trị đồng tiền, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Trung ương.

Tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và hộ dân do ảnh hưởng của dịch COVID -19 và lũ lụt. Trong đó, bám sát các định hướng, chủ trương chính sách phát triển của Chính phủ, Ngân hàng trung ương và của tỉnh để cho vay Doanh nghiệp nhỏ và vừa phục vụ phát triển kinh tế địa phương, tạo việc làm cho người lao động; các tổ chức tín dụng tiếp tục làm tốt Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp; cơ bản ổn định lãi suất cho vay; nhất là đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao.

Tích cực tìm các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất, nuôi dưỡng và tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra đối tượng nộp thuế. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.

2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế

Ưu tiên tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo và nguồn lực đầu tư để thực hiện nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế:

2.1. Về nông lâm, nghiệp, thủy sản

Khẩn trương khôi phục lại sản xuất, huy động nguồn lực sửa chữa các công trình, hạ tầng bị hư hỏng do thiên tai năm 2020 gây ra.

Đẩy mạnh sản xuất lương thực theo hướng nâng cao giá trị hàng hoá, đảm bảo an ninh lương thực, hình thành các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với xây dựng cánh đồng lớn. Khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động gắn với điều chỉnh quy hoạch sản xuất để phát triển cây công nghiệp dài ngày chủ lực của tỉnh, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động gắn với điều chỉnh quy hoạch sản xuất để phát triển cây công nghiệp dài ngày chủ lực của tỉnh, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, quy mô trang trại, gia trại tập trung gắn với an toàn sinh học và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả.

Tiếp tục triển khai rà soát, chuyển đổi đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất. Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng đến tận hộ nông dân để tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc rừng. Khai thác gỗ rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ một cách hợp lý và bền vững.

Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế mạnh, chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh và an toàn môi trường nuôi thủy sản. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Đầu tư hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.2. Về công nghiệp - xây dựng

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình, đề án tái cơ cấu ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế như: năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời), công nghiệp chế biến gỗ và nông, lâm, thủy hải sản; công nghiệp silicat, các ngành sản xuất công nghiệp sử dụng nhiều lao động (dệt may).

Tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của dịch Covid -19 để tăng khả năng cạnh tranh. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nhiều dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp. Đặc biệt là hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ cấp phép để triển khai thực hiện dự án và hoà lưới điện trước thời điểm 31/10/2021 đối với 14 dự án điện gió với tổng công suất 569,2 MW đã được Thủ tướng Chính phủ thống nhất đưa vào quy hoạch điện VII tại Văn bản 795/TTg-CN ngày 25/6/2020.

Ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị làm hạt nhân phát triển công nghiệp, trong đó tập trung hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án trọng điểm như dự án nhiệt điện than BOT 1, dự án nhà máy điện tua bin khí hỗn hợp Quảng Trị 340 MW, dự án khí hóa lỏng LNG...

Đẩy mạnh thu hút đầu tư và triển khai thực hiện các dự án động lực tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Trong đó, phát triển Khu công nghiệp Nam Đông Hà theo hướng công nghiệp sạch, công nghiệp công nghệ cao; tiếp tục thu hút các dự án phù hợp, đúng quy hoạch vào Khu công nghiệp Quán Ngang; tạo điều kiện để thành lập Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá, thúc đẩy phát triển công nghiệp phía Bắc của tỉnh; tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư để sớm triển khai dự án Khu công nghiệp Quảng Trị (VSIP 8).

Kêu gọi và thúc đẩy tiến độ đầu tư xây dựng các dự án chế biến nông, lâm, thủy sản, dệt may, các dự án phong điện, thủy điện nhỏ. Tiếp tục theo dõi đơn đốc tiến độ đầu tư các dự án năng lượng, dự án công nghiệp trên địa bàn, nhất là các dự án khởi công dịp chào mừng 30 năm lập lại tỉnh để sớm đưa vào hoạt động. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Dự án TBA và đường dây 220kV Đông Hà - Lao Bảo, Dự án cải tạo đường dây 110kV Đông Hà - Lao Bảo.

Đầu tư, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Khuyến khích các dự án công nghiệp mới, công nghệ và thiết bị hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất và xử lý môi trường ở các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến để sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, nhất là trong các lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản; khai thác và chế biến khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu mới, vật liệu chất lượng cao... Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

2.3. Về thương mại - dịch vụ

Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án về phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh⁴². Thực hiện có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại; đẩy mạnh công tác kết nối giao thương, xuất khẩu hàng hóa, phát triển thương mại điện tử; thực hiện liên kết, hợp tác tìm kiếm thị trường nội địa để tiêu thụ các mặt hàng thế mạnh của tỉnh; thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tăng cường thu hút đầu tư các trung tâm dịch vụ logistic, các tổng kho trên tuyến hành kinh tế Đông Tây phục vụ lưu thông hàng hóa hai chiều giữa các nước ASEAN.

Mở rộng thị trường xuất khẩu các hàng hoá sản xuất tại địa phương. Tăng cường đấu tranh phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại trên địa bàn, tập trung vào các mặt hàng trọng điểm như hàng hóa phục vụ tiêu dùng. Phát triển mạnh các dịch vụ vận tải, kho bãi, dịch vụ quá cảnh, đóng gói sản phẩm, linh kiện hàng hoá; dịch vụ bưu chính viễn thông trên tuyến hành lang kinh tế Đông Tây.

⁴² Triển khai Chương trình phát triển thương mại biên giới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển thương mại điện tử tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Đề án phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025

Tiếp tục đầu tư, xây dựng hoàn thiện cơ bản kết cấu hạ tầng cửa khẩu Quốc tế La Lay. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, Ngành giải quyết các vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, khai thác và phát huy lợi thế của tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư trong các lĩnh vực: sản xuất hàng xuất khẩu, xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị, kho dự trữ hàng hóa, kho ngoại quan, mạng lưới chợ, trung tâm hội chợ triển lãm, nâng cấp hệ thống các cửa hàng xăng dầu, phát triển mô hình cửa hàng xăng dầu gắn với trạm dừng nghỉ hoặc cửa hàng kinh doanh xăng dầu và dịch vụ tổng hợp trên tuyến Quốc lộ 9, đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 1; phát triển mạng lưới cửa hàng xăng dầu tại các tuyến giao thông cấp huyện.

3. Tăng cường huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế.

Tích cực thực hiện tái cơ cấu đầu tư công; huy động tối đa nguồn vốn ngân sách cho đầu tư phát triển theo luật đầu tư công; có cơ chế chính sách hỗ trợ để khuyến khích, thu hút, khai thác nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư vào các công trình thiết yếu, quan trọng theo hình thức đối tác công tư (PPP) và từ các nguồn vốn doanh nghiệp, nhân dân. Tối ưu hóa sử dụng nguồn lực đất đai, thúc đẩy các dự án đầu tư theo hình thức PPP trong các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, giao thông...

Đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh. Tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương để vận động và triển khai thực hiện các dự án ODA và nguồn vốn do các bộ, ngành Trung ương quản lý. Phấn đấu triển khai một số dự án động lực đã được xác định, nhất là tại Khu kinh tế Đông Nam.

Phân bổ và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư công (bao gồm cả vốn ngân sách tỉnh, vốn ODA, vốn vay ưu đãi, các nguồn hỗ trợ từ Trung ương và nguồn khác). Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm; đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; đầu tư các công trình phúc lợi xã hội; hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch...

4. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ như giao thông, năng lượng, nông nghiệp, nông thôn...; Tiếp tục xây dựng nông thôn mới.

4.1. Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, khắc phục dần các điểm nghẽn trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hoàn thành một số dự án trọng điểm, động lực, có sức lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là các công trình giao thông quan trọng kết nối các khu kinh tế, khu công nghiệp, cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, La Lay với cảng Cửa Việt, cảng Mỹ Thủy và hệ thống giao thông quốc gia; xây dựng cơ sở hạ tầng các đô thị trên địa bàn tỉnh.

4.2. Huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân. Phát huy tối đa vai trò chủ thể của người dân, tạo điều kiện để nhân dân tự nguyện, chủ động, sáng tạo tham gia xây dựng nông thôn mới. Nâng cao chất lượng và duy trì thường xuyên, liên tục các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới gắn với các hoạt động cụ thể, thiết thực.

Tích cực huy động nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trực tiếp gắn với phát triển sản xuất và dân sinh; Quan tâm ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các địa phương có điều kiện khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, bãi ngang, ven biển. Nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý đầu tư, xây dựng trong xây dựng nông thôn mới.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, kêu gọi, vận động các tổ chức quốc tế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, HTX, doanh nghiệp được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; huy động hợp lý nguồn đóng góp của cộng đồng dân cư địa phương.

Tiếp tục thực hiện đề án xã, thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, các mô hình chỉnh trang nông thôn theo hướng xây dựng mô hình “đường đẹp, nhà đẹp, vườn đẹp, thôn đẹp”; đề án bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới; xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa.

Tiếp tục đẩy mạnh chương trình OCOP (mỗi xã, một sản phẩm) theo chương trình của Bộ Nông nghiệp và PTNT phù hợp với nhu cầu thị trường và tiềm năng phát triển các sản phẩm được lựa chọn.

Chỉ đạo các địa phương thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới. Xây dựng kế hoạch, giải pháp chỉ đạo cụ thể đối với các xã đã đạt chuẩn, các xã phấn đấu đạt chuẩn theo lộ trình hằng năm, các xã có số tiêu chí đạt còn thấp. Các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí và nỗ lực huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

5. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp. Phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh. Đẩy mạnh công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm vào các khu kinh tế, khu công nghiệp và khu dịch vụ du lịch của tỉnh theo đúng quy hoạch đặc biệt là Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị. Hỗ trợ, tạo điều kiện để các nhà đầu tư tổ chức triển khai thực hiện các dự án đúng tiến độ.

Định kỳ tổ chức Hội nghị đối thoại giữa UBND tỉnh với doanh nghiệp, đối thoại chuyên đề như: Tài nguyên môi trường, thuế, bảo hiểm...nhằm kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; duy trì có hiệu quả

mô hình cà phê doanh nhân. Khuyến khích các doanh nghiệp gia tăng sản xuất do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp tỉnh giai đoạn 2018 - 2021; Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh.

Chỉ đạo các ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức hội nghị quán triệt đến toàn bộ cán bộ công chức về những phản ánh và những kiến nghị của doanh nghiệp; đồng thời, chấn chỉnh thái độ phục vụ doanh nghiệp đến toàn bộ công chức, viên chức ngành mình. Tăng cường hơn nữa hiệu quả công tác tham vấn Doanh nghiệp, tạo điều kiện doanh nghiệp tham gia vào góp ý chính sách, pháp luật có liên quan tại tỉnh.

6. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ

Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, am hiểu pháp luật, tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Triển khai thực hiện chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; Chủ động tổ chức các phương án học tập trong điều kiện tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất phục vụ tốt công tác dạy và học, phấn đấu kế hoạch 2021 có thêm 37 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia (nâng số trường đạt chuẩn lên 306/397 trường đạt tỷ lệ 77%)⁴³.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025. Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ phục vụ có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế- xã hội. Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học công nghệ, công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, các tiến bộ kỹ thuật canh tác, cải tạo đất phục vụ yêu cầu của sản xuất và đời sống. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; theo dõi ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh và các doanh nghiệp xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp theo yêu cầu; xây dựng và phát triển các hoạt động dịch vụ

⁴³ trong đó cấp mầm non có 15 trường, cấp Tiểu học 07 trường, cấp THCS 04 trường, TH&THCS có 08 trường và THPT 03 trường

khoa học và công nghệ, đặc biệt là dịch vụ thông tin, tư vấn, môi giới, đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ.

7. Phát triển văn hóa, xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và thể thao theo đúng quy định. Tiếp tục thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Tổ chức tốt các giải thể thao trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại từ đại dịch COVID-19 và các dịch bệnh khác; tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức phòng, chống dịch, tuyệt đối không chủ quan, mất cảnh giác trước dịch bệnh. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khám, chữa bệnh tại các bệnh viện; tiếp tục triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ tại các bệnh viện công lập; tăng cường công tác y tế dự phòng.

Tiếp tục mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, từng bước thực hiện “bảo hiểm y tế toàn dân”. Kiểm soát tăng dân số và giảm mất cân bằng giới tính khi sinh. Thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chất lượng dân số, tiếp tục nhân rộng các mô hình không sinh thứ con 3 trở lên.

Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyển dụng và sử dụng lao động của doanh nghiệp. Quan tâm công tác giải quyết việc làm cho lao động miền núi, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án và giải pháp giảm nghèo; chế độ, chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng.

Tiếp tục phát huy hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Đẩy mạnh công tác phòng chống tệ nạn xã hội; thực hiện tốt công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng.

Tiếp tục chi trả kinh phí hỗ trợ cho các nhóm đối tượng người lao động, người sử dụng lao động và hộ kinh doanh gặp khó khăn do dịch COVID-19 theo Nghị quyết của Chính phủ; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động.

Tiếp tục quan tâm chăm lo và triển khai thực hiện tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các Chương trình, đề án của Chính phủ và chính sách của địa phương đối với vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện bảo đảm cho các hoạt động tôn giáo phát triển theo đúng quy định pháp luật.

8. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường sống; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Tập trung chỉ đạo việc thi hành các quy định, Nghị quyết, chương trình, kế hoạch đã ban hành thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Chỉ đạo đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, đấu giá quyền sử dụng đất; Rà soát quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các khu đất có giá trị thương mại cho các dự án theo qui hoạch nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Tiếp tục rà soát, kiểm tra, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, bãi bồi trên địa bàn; xử lý nghiêm các hoạt động khai thác, vận chuyển cát, sỏi lòng sông, bãi bồi trái phép.

Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

9. Đẩy mạnh công tác xây dựng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chấp hành kỷ luật, kỷ cương, sắp xếp và tinh gọn bộ máy; xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; cải cách hành chính tư pháp; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; Triển khai các nhiệm vụ đề ra trong Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã, thôn, bản, khu phố; Thực hiện Đề án chuyển đổi vị trí công tác và Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh giai đoạn 2016-2030”.

Phát triển Chính phủ điện tử theo tinh thần Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ. Đẩy mạnh CCHC gắn liền với ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2005; rà soát, công bố thủ tục hành chính và xây dựng quy trình giải quyết ISO TCVN 9001:2015, tăng cường tiếp nhận và giao trả trực tuyến thủ tục hành chính mức độ 3 và mức độ 4, tạo lập hồ sơ, tài khoản trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực và xử lý nghiêm các vi phạm. Kiên quyết xử lý, khắc phục tình trạng "tham nhũng vặt", nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong

các lĩnh vực và trên toàn xã hội; trước hết là trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm. Nghiêm túc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

10. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh

Quán triệt sâu sắc đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng trong tình hình mới. Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Tỉnh ủy về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiếp tục củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn kết chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia; Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp. Chủ động chuẩn bị lực lượng, hậu cần và các kế hoạch tác chiến cụ thể. Tích cực phối hợp với các cấp chính quyền địa phương giúp dân phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt; tìm kiếm cứu nạn. Xây dựng cơ sở xã, phường, thị trấn cụm an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu và an ninh trật tự ngày càng vững chắc. Nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng công an xã, bảo vệ dân phố, dân quân tự vệ, dự bị động viên, thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện, khả năng sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Thực hiện tốt chương trình hợp tác giữa lực lượng vũ trang Quảng Trị với lực lượng vũ trang các tỉnh bạn Lào có chung đường biên giới nhằm đảm bảo an ninh quốc gia, phòng chống tội phạm.

Tạo chuyển biến tích cực, rõ nét về trật tự, an toàn xã hội; từng bước đẩy lùi, làm giảm các điều kiện nảy sinh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật; tập trung đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm hình sự liên quan đến "tín dụng đen", cho vay lãi nặng, tội phạm ma túy, tội phạm công nghệ cao...; giảm thiểu tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông; tăng cường công tác phòng, chống cháy nổ.

11. Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại

Tiếp tục quán triệt chủ trương đối ngoại của Đảng và Nhà nước, chủ động đẩy mạnh triển khai, thực hiện công tác đối ngoại góp phần vào mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; mở rộng và đưa các mối quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, hợp tác thực chất, hiệu quả. Tiếp tục quán triệt và đề xuất triển khai thực hiện

nghiêm túc Kết luận 33- KL/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại và Hướng dẫn 05-HD/BĐNTW của Ban Đối ngoại Trung ương.

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 05 - NQ/TU ngày 25/7/2017 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh hội nhập quốc tế gắn với Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 5/11/2016 của BCHTW khóa XII. Triển khai các hoạt động ngoại giao phát triển kinh tế và các nhiệm vụ do Bộ Ngoại giao, Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao thực hiện. Nâng cao hiệu quả hợp tác với các đối tác, nhà đầu tư đã có và tích cực xây dựng, ký kết các thỏa thuận mới trên cơ sở tìm hiểu kỹ tiềm năng, điểm tương đồng và các hợp tác cụ thể, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, qua đó mở rộng thị trường, tranh thủ các nguồn lực về vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý từ các đối tác nước ngoài.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế gắn với an ninh quốc phòng, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Kiên toàn, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

Tăng cường công tác phối hợp và thông tin giữa địa phương và Bộ Ngoại giao nhằm tăng cường công tác đối ngoại tại địa phương. Tích cực tham mưu UBND tỉnh, phối hợp với các Sở, ban, ngành vận động các dự án và viện trợ phi dự án mới với tổng giá trị cam kết dự ước là 10 triệu USD.

Trên đây là Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh năm 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh năm 2021 của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- VPCP, VPQH, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4;
- T.vụ TU, TT/HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT, các UV UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể;
- VP HĐND tỉnh;
- Chánh, PVP, CV;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hưng

PHỤ LỤC 1

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2020

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /11/2020

của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		So sánh TH/KH năm 2020
				Kế hoạch	Ước thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7
I	CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế; Trong đó:	%	7,91	>8,5	3,63	Không đạt
-	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	%	13,89	>14	7,25	Không đạt
-	<i>Dịch vụ</i>	%	6,35	>7	2,31	Không đạt
-	<i>Nông - lâm - ngư nghiệp</i>	%	5,10	>4,5	2,95	Không đạt
2	GRDP bình quân đầu người (Giá HH)	Triệu đồng	50	55-58	53,9	Không đạt
3	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	16.870	26.000-28.000	19.068,2	Không đạt
4	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; trong đó:	Tỷ đồng	3.249	3.400		
-	<i>Thu nội địa</i>	"	2.757	2.950		
-	<i>Thu xuất nhập khẩu</i>	"	490,1	450		
5	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	8.317	9.504		
6	Sản lượng lương thực có hạt	Vạn tấn	28,6	26	28,9	Vượt
7	Diện tích trồng mới và tái canh cây công nghiệp dài ngày	Ha	550	230	257,3	Vượt
8	Trồng mới rừng tập trung	Ha	9.320	6.000	8.200	Vượt
9	Sản lượng thủy hải sản	Tấn	32.250	37.000	37.129	Vượt
10	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	%	51,3	54,7-56,4	55-56,4	Đạt
11	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	30.406	33.500	30.959	Không đạt
12	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	380	400	460	Vượt

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		So sánh TH/KH năm 2020
				Kế hoạch	Ước thực hiện	
II	CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI					
13	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	97	96	97	Đạt
14	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc tiểu học	%	99,8	99,9	99,9	Đạt
15	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc THCS	%	96	95	95,5	Đạt
16	Tỷ lệ lao động qua đào tạo; trong đó:	%	60	65-70	65,88	Đạt
-	<i>Tỷ lệ qua đào tạo nghề</i>	%	42,38	55	46,5	Không đạt
-	<i>Tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	30	32	31	Không đạt
17	Tạo việc làm mới	Lao động	13.500	11.000	10.000	Không đạt
18	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	94	>96	94	Không đạt
19	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	0,31	>0,3	>0,3	Đạt
20	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,6	1,5-2	1,5	Đạt
21	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo thể cân nặng/tuổi	%	13,3	<12	13,7	Không đạt
III	CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG					
22	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	50	50	50	Đạt
23	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	94,5	95	92,06	Không đạt
24	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch	%	94,5	95	95	Đạt
25	Tỷ lệ chất thải rắn ở thành thị được thu gom	%	99	99	95-100	Đạt